

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2026/DS-PT**

Ngày: 17/3/2026

*V/v Tranh chấp về bồi thường thiệt hại
do danh dự, nhân phẩm, uy tín, tinh
thần, sức khỏe bị xâm phạm*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương

Các Thẩm phán: Ông Trương Anh Tuấn

Bà Phạm Thị Thu H

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Khánh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2026/TLPT-DS ngày 06 tháng 01 năm 2026 về “*Tranh chấp về bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín, tinh thần, sức khỏe bị xâm phạm*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2025/DS-ST ngày 25/11/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực X - Điện Biên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2026/QĐ-PT ngày 19 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 08/2026/QĐ-PT, ngày 04/02/2026; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 15/2026/QĐ-PT, ngày 04/02/2026; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 06/TB-TA ngày 05/3/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Thanh T**, sinh năm 1975. Địa chỉ: Phố 01, xã Thanh Minh, thành phố Đ (nay là phố 01, phường Đ), tỉnh Điện Biên (Có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Bà Chu Thị H, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số nhà 26, tổ dân phố 02, phường T3, thành phố Đ (nay là số nhà 26, tổ 02, phường Đ), tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

2.2. Bà Chu Thị T1 (tên gọi khác: Chu Thị T2), địa chỉ: Số nhà 63B, tổ dân phố 4, phường M, thành phố Đ (nay là Số nhà 63B, tổ 4, phường Đ), tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

*** Người đại diện theo ủy quyền của bà Chu Thị H và bà Chu Thị T1: Bà Vũ Thị N**, địa chỉ: Số nhà 154, tổ 09, phường T0, thành phố Đ (nay là Số nhà 154, tổ 9, phường Đ), tỉnh Điện Biên (Có mặt).

2.3. Ông Hoàng T4, địa chỉ: Số nhà 26, tổ 02, phường T3, thành phố Đ (nay là số nhà 26, tổ 02, phường Đ), tỉnh Điện Biên (Vắng mặt)

2.4. Ông Vũ Văn T5, địa chỉ: Đội 08, xã N, huyện Đ (nay là xã Thanh An), tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T và bị đơn bà Chu Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2024 và các văn bản trình bày ý kiến của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm, bà Phạm Thị Thanh T trình bày:

Do bà T muốn sửa nhà nên có lên mạng tìm kiếm, thấy số điện thoại của anh Vũ Văn T5 nên chủ động liên hệ với anh T5 để thuê anh T5 sửa nhà. Lúc đầu bà T bảo ông T5 làm khung nhà mái tôn tầng 2 và anh T5 đồng ý. Do khối lượng công việc nhỏ, hai bên không làm hợp đồng giấy tờ gì mà chỉ thỏa thuận miệng với nhau. Thực tế, phần khung nhà mái tôn tầng 2 anh T5 đã làm xong, bà T định thuê anh T5 sửa tiếp hạng mục khác trong nhà nhưng do bận công việc cá nhân nên bà T bảo anh T5 dừng lại, không sửa hạng mục khác nữa. Trước đó bà T đã ứng 88 triệu đồng cho anh T5 để mua vật liệu cũng như trả tiền nhân công. Bà T có bảo anh T5 là khi nào bố trí được thời gian, bà T lên Điện Biên thì sẽ gọi anh T5 đến nghiệm thu để xem tiền công còn thừa thiếu thế nào. Sau đó anh T5 có đến nhà bà T mấy lần để tất toán công trình nhưng không gặp, hai bên có nhắn tin, gọi điện trao đổi nhưng không thống nhất được. Anh T5 có nhắn là chị đưa thêm 03 triệu đồng, từ nay em không hỏi nữa. Do bận việc cá nhân nên bà T chưa kịp trả lời tin nhắn của anh T5. Mấy ngày sau thì anh T5 đã đăng bài đòi nợ bà T lên mạng xã hội tại trang Chợ Điện Biên. Sau đó, bà H1 (bạn bà Chu Thị H) gọi điện và gửi anh chụp màn hình điện thoại bài đăng của bà H trên mạng zalo và nói: “Chị H nhờ em gửi hình này và thông báo để chị biết”. Do không quen biết bà H, nên bà H1 đã gửi Facebook cho bà T để bà T xem những bài bà H về bà T. Bà T vào Facebook của bà H thì thấy mấy bài đăng, chia sẻ vào nhóm chợ Điện Biên và trang Facebook của bà H; ông T5 chia sẻ vào Facebook của bà H, ông T4 và một số người khác với nội dung: Đăng hình ảnh của bà T, cơ sở kinh doanh của bà T, tin nhắn về công nợ giữa bà T và ông T5 trong thời gian ông T5 sửa chữa nhà nghỉ cho bà T (do ông T5 chụp màn hình cung cấp cho bà H). Việc chia sẻ gắn tên nhiều người, làm mọi người hiểu sai sự thật, vào bình luận với những lời lẽ xúc phạm, bêu xấu bà T và nhà nghỉ của bà T, làm mất danh dự, uy tín của bà T. Bà H còn gọi điện đe dọa bà T là mình chuyên đi bóc “phốt” người khác, gửi hình ảnh đã làm với những người khác để dọa bà T. Bà T đã yêu cầu bà H gỡ bài nhưng bà H vẫn tiếp tục đăng, chia sẻ nhiều hơn hình ảnh cá nhân, nhà nghỉ của bà T. Ngày 03/10/2023, bà H, ông T4 và bà Tủy còn đến nhà nghỉ của bà T nhưng chỉ có ông Đỗ Văn Lâm (nhân viên

nhà nghỉ) ở nhà; ba người này đã có hành vi chửi và dọa tát bà T. Khi biết những sự việc trên, bà T bị ảnh hưởng nhiều đến sức khỏe, tinh thần bị suy sụp, phải nhờ bác sĩ đến nhà điều trị.

Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2024 và đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, bà T yêu cầu:

- Bà H bồi thường cho bà T tổng số tiền 1.000.000.000 đồng, gồm: Danh dự, nhân phẩm là 500.000.000 đồng; tinh thần, sức khỏe là 500.000.000 đồng.
- Bà T2 (T1) phải xin lỗi công khai đối với bà T.

Ngày 05/05/2025, bà T gửi cho Tòa án đơn khởi kiện bổ sung; yêu cầu Tòa án giải quyết bổ sung:

- Ông Vũ Văn T5 bồi thường cho bà T tổng số tiền 1.000.000.000 đồng; gồm: Danh dự, nhân phẩm là 500.000.000 đồng; tinh thần, sức khỏe là 500.000.000 đồng.
- Ông Hoàng T4 bồi thường cho bà T về danh dự, nhân phẩm là 500.000.000 đồng.

Ngày 03/11/2025, bà Chu Thị T2 nộp đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố đối với bà T. Cùng ngày bà T cũng nộp đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với bà Chu Thị T2.

Đến ngày 05/11/2025, tại biên bản lấy lời khai bà T xin rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với ông Hoàng T4 về việc buộc ông Hoàng T4 bồi thường về danh dự nhân phẩm là 500.000.000 đồng. Bà T chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết đối với hai nội dung sau:

- Đề nghị Tòa án buộc bà Chu Thị H bồi thường về danh dự và nhân phẩm 500.000.000 đồng và bồi thường về tinh thần sức khỏe 500.000.000 đồng, tổng cộng là 1.000.000.000 đồng cho bà Phạm Thị Thanh T.
- Đề nghị Tòa án buộc ông Vũ Văn T5 bồi thường về danh dự và nhân phẩm 500.000.000 đồng và bồi thường về tinh thần sức khỏe 500.000.000 đồng, tổng cộng là 1.000.000.000 đồng cho bà Phạm Thị Thanh T.

Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ các ý kiến đã trình bày trước tòa, bà T xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông Hoàng T4 và bà Chu Thị T2 (T1). Bà T chỉ đề nghị Tòa án giải quyết hai yêu cầu đối với bà Chu Thị H và anh Vũ Văn T5. Trong đó, buộc bà H và anh T5 mỗi người phải bồi thường cho bà T số tiền là 1.000.000.000 đồng, gồm: bồi thường về Danh dự, nhân phẩm là 500.000.000 đồng; bồi thường về tinh thần, sức khỏe là 500.000.000 đồng. Tại phiên tòa ngày 25/11/2025, bà T có cung cấp thêm bản gốc Giấy bên nhận của cửa hàng phô tô T6 đề ngày 25/11/2025 có nội dung: in ấn, phô tô giấy tờ và ảnh, số tiền là 10.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa, các bị đơn trình bày:

**** Bà Chu Thị H trình bày:***

- Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T: Bà H là cô ruột của cháu T5 (người sửa nhà cho bà T), giữa bà T và cháu T5 có vướng mắc, nợ nần nhau trong công việc làm ăn, cháu T5 có nói lại với bà H. Vì giữa cháu T5 và bà T không nói chuyện được với nhau nên cháu T5 có nhờ hẹn gặp bà T để nghiệm thu và thanh toán tiền với nhau nhưng bà T không gặp. Những tin nhắn của bà H cho bà T chỉ xoay quanh việc này, không có lời lẽ chửi bới, xúc phạm gì bà T. Bà H có đến nhà nghỉ của T hay không, bà H không nhớ, vì bà T làm nhà nghỉ cũng có thể bà H có đến gặp gỡ vì các mối quan hệ làm ăn. Một số bản ảnh bà T nộp cho Tòa án bà H không xem được nên không biết nội dung gì. Bà H chia sẻ bài viết của cháu T5 vì nội dung chỉ có nói mong bà T trả tiền T5 làm thuê cho bà T, việc chưa thanh toán tiền công là có thật. Vì vậy bà H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T.

- Đối với yêu cầu phản tố: Trong đơn khởi kiện bà T nói bà H nhờ bà H1 gửi hình ảnh cho bà T xem nội dung những bài đăng của bà H. Nhưng thực tế bà T còn nói xấu bà H với bà H1, cụ thể bà T bảo bà H như con ngáo đá, vu khống bà H chửi bới, xúc phạm bà T; đăng lên mạng kêu gọi mọi người tố cáo bà H để lấy thêm chữ ký gửi ra công an; quy chụp bà H uy hiếp, đe dọa, bắt nạt người khác; sử dụng hình ảnh của bà H mà bà T trích từ camera đăng trên mạng xã hội... làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm, tinh thần và sức khỏe của bà H.

Bà H yêu cầu bà T bồi thường cho bà H về danh dự, nhân phẩm, uy tín là 500.000.000 đồng; về sức khỏe (tinh thần, thể chất) là 500.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố và các ý kiến đã trình bày trước tòa, không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới nào.

*** Bà Chu Thị T2 (T1) trình bày:**

- Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T: Bà T2 không quen biết bà T; không có lời nói bịa đặt, xuyên tạc, vu khống bà T. Trong đơn khởi kiện bà T nói “Bà H1 nói với bà T là bà T2 – chị gái bà H nói xấu tôi là con nọ, con kia... bằng những ngôn từ bịa đặt, xuyên tạc, vô văn hóa”; là hoàn toàn bịa đặt. Bà T1 cũng không đi đòi nợ thuê như bà H nói trong đơn, nếu có việc tôi đến nhà nghỉ của bà T thì cũng không phải vì việc này. Vì vậy tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T.

- Yêu cầu phản tố: Bà T2 không thực hiện những việc như bà T đã nói trong đơn khởi kiện như vậy là bà T đã vu khống cho bà T2, đưa thông báo thụ lý vụ án lên mạng xã hội nhằm bôi nhọ bà T2, làm ảnh hưởng xấu đến danh dự, nhân phẩm của T2; làm bà T2 sa sút về tinh thần và ảnh hưởng xấu đến sức khỏe. Bà T2 yêu cầu bà T bồi thường cho bà T2 danh dự, nhân phẩm, uy tín là 250.000.000 đồng; sức khỏe (tinh thần, thể chất) là 250.000.000 đồng).

Ngày 03/11/2025, bà T2 có đơn rút toàn bộ yêu cầu phản tố đối với bà T tại thông báo thụ lý yêu cầu phản tố số 46 ngày 11/3/2025.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà T2 giữ nguyên

ý kiến rút toàn bộ yêu cầu phản tố đối với bà T và cũng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới nào.

*** Ông Vũ Quang T5 trình bày:** Ông T5 là cháu ruột gọi bà T2 và bà H bằng cô. Trước đây bà T có thuê ông T5 làm nhà khung sắt mái lợp tôn cho bà T, hai bên chỉ thỏa thuận không có văn bản giấy tờ gì. Căn cứ vào diện tích xây dựng để tính thành tiền là 98.000.000 đồng, bà T đã trả cho ông T5 88.000.000 đồng, còn 10.000.000 đồng bà T nợ lại, nói khi nào có sẽ trả. Ông T5 đã nhiều lần đến nhà, gọi điện, nhắn tin cho bà T để đòi số tiền còn thiếu, nhưng không có kết quả. Vì không gặp được bà T, trước đó cũng không có quan hệ quen biết gì nên ông T5 đành phải đăng lên mạng để bà T biết được, phản hồi lại anh T5 để hai bên thanh toán nốt tiền công nợ cho nhau. Anh T5 không có lời lẽ xúc phạm, bôi nhọ danh dự nhân phẩm uy tín của bà T cũng không nhờ ai chia sẻ bài viết của mình trên mạng hoặc có tác động gì về việc này.

*** Ông Hoàng T4:** Ông T4 không trả lời thông báo thụ lý vụ án, vắng mặt tại các phiên họp và phiên hòa giải và phiên tòa không có lý do.

*** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà H và bà T2 là bà Vũ Thị Nhung trình bày:** Bà Nhung nhất trí với các ý kiến của các bị đơn đã trình bày với Tòa án. Bà Nhung không nhất trí với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với các bị đơn, bởi vì các bị đơn không có hành động hay lời lẽ xúc phạm, lăng mạ bà T, nội dung cuộc gọi điện giữa bà H và bà T chỉ là nói về việc thanh toán phần công nợ còn thiếu của anh T5, còn việc các bị đơn để nhà nghỉ bà T cũng chỉ là công việc làm ăn thông thường, không đe dọa xúc phạm ai. Đối với việc bà T2 rút yêu cầu phản tố đối với bà T là hoàn toàn tự nguyện, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 25/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực X - Điện Biên đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39; điểm h khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 584, 585, 590 và 592 của Bộ luật Dân sự; Điều 2, 7, 9 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thanh T về việc buộc bà Chu Thị H và anh Vũ Văn T5, mỗi người phải bồi thường thiệt hại cho bà T 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), trong đó bồi thường do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) và bồi thường do sức khỏe, tinh thần là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thanh T đối với ông Hoàng T4 về việc buộc ông Hoàng T4 bồi thường về danh dự và nhân phẩm 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) cho bà Phạm Thị Thanh T.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thanh T đối với bà Chu Thị T2 (T1) về việc buộc bà Chu Thị T2 phải công khai xin lỗi vì những lời lẽ bịa đặt, xuyên tạc, vu khống nói xấu bà Phạm Thị Thanh T.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Chu Thị H về việc buộc bà Phạm Thị Thanh T bồi thường cho bà H 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), trong đó bồi thường do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) và bồi thường do sức khỏe, tinh thần là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

3. Đình chỉ toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Chu Thị T2 (T1) đối với bà Phạm Thị Thanh T về việc buộc bà Phạm Thị Thanh T bồi thường cho bà T2 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), trong đó bồi thường danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và bồi thường do sức khỏe, tinh thần bị xâm phạm là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

* **Tại phiên tòa phúc thẩm:** Nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn bà Chu Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại theo quy định của pháp luật. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*** Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên về việc tuân theo pháp luật và việc giải quyết vụ án:**

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Hành vi của bà Chu Thị H và ông Vũ Văn T5 đăng tải hình ảnh cá nhân của bà Phạm Thị Thanh T lên mạng xã hội mà không được sự đồng ý của bà T là vi phạm khoản 1 Điều 32 BLDS về quyền của cá nhân đối với hình ảnh của mình, kèm theo là lời lẽ nhằm bêu riếu việc bà T nợ tiền anh T5, hành vi đó đã xâm phạm đến danh dự, uy tín của bà T, và đã bị Công an thành phố Đ xử phạt hành chính theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 102 Nghị định 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ; Tuy nhiên, bà T không đủ chứng cứ chứng minh các thiệt hại thực tế theo quy định tại khoản 1 Điều 592 Bộ luật dân sự, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ. Bà T không có hành vi xâm phạm danh dự, uy tín đối với bà H nên không có nghĩa vụ phải bồi thường cho bà H; Nên việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà H là có căn cứ, đúng pháp luật. Nội dung các kháng cáo của bà T và bà H đều không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 25/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực X - Điện Biên. Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T và bị đơn bà Chu Thị H

được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện, các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Xác định tranh chấp giữa nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1975, địa chỉ: Phố 1, phường Đ, tỉnh Điện Biên và bị đơn bà Chu Thị H, sinh năm 1978, địa chỉ: Số nhà 26, tổ 2, phường Đ, tỉnh Điện Biên; bà Chu Thị T1, địa chỉ: Số nhà 63B, tổ 4, phường Đ, tỉnh Điện Biên; ông Vũ Văn T5, địa chỉ: Đội 8, xã Thanh An, tỉnh Điện Biên, là tranh chấp về dân sự bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, quan hệ pháp luật là tranh chấp về bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín, tinh thần, sức khỏe bị xâm phạm theo khoản 6 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Xét thấy bị đơn bà Chu Thị H, địa chỉ: Số nhà 26, tổ 2, phường Đ, tỉnh Điện Biên và bà Chu Thị T1, địa chỉ: Số nhà 63B, tổ 4, phường Đ, tỉnh Điện Biên; ông Vũ Văn T5, địa chỉ: Đội 8, xã Thanh An, tỉnh Điện Biên. Căn cứ Điều 35, khoản 1 Điều 39; điểm h khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực X - Điện Biên thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án là có căn cứ.

[2] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T và bị đơn bà Chu Thị H:

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T và bị đơn bà Chu Thị H gửi đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 25/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực X - Điện Biên. Việc kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo và quyền kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật, nguyên đơn và bị đơn được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm, như vậy việc kháng cáo của các đương sự là hợp lệ, đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn theo trình tự phúc thẩm.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm:

Xét thấy bị đơn ông Hoàng T4 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 3 nhưng vắng mặt không có lý do, bị đơn ông Vũ Văn T5 có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Hoàng T4 và ông Vũ Văn T5.

[4] Về nội dung

[4.1] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Xuất phát từ việc bà T thuê ông T5 sửa nhà khung sắt lợp mái tôn tầng hai của nhà bà T, khi công việc hoàn thành, bà T chưa thanh toán hết số tiền công nợ còn thiếu là 10 triệu đồng cho ông T5 (trước đó bà T mới chỉ ứng cho ông T5 88 triệu đồng). Do bà T bận công việc nên hai bên chưa nghiệm thu và tất toán công nợ với nhau. Ông T5 nhiều lần nhắn tin gọi điện cho bà T nhưng không được nên đã đăng lên chợ Điện Biên Online với nội dung “*Mong chị gửi nốt tiền (10 triệu) cho em chứ cảnh đi làm thuê lấy công làm lãi mà chị làm thế thì chết em, có ai như tôi không ah em ơi*”, kèm theo hình ảnh nhà nghỉ Hồng Cúm và hình ảnh cá nhân của bà T cùng một số đoạn tin nhắn về thanh toán công nợ giữa ông T5 và bà T. Bà T cho rằng ông T5 đòi nợ bà T trên mạng xã hội là không đúng vì bà T không nợ ông T5, hai bên chỉ chưa chốt được công nợ, chưa biết thừa thiếu thế nào nên việc ông T5 đăng lên mạng xã hội công khai đòi nợ bà đã làm ảnh hưởng xấu đến uy tín danh dự của bà T.

Căn cứ vào lời khai của bà T (Bút lục số 311 – 314), lời khai của ông T5 (Bút lục số 202 - 203), lời khai tại phiên tòa sơ thẩm ngày 24, 25/11/2025 của các đương sự (Bút lục số 336 - 345) và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đều thể hiện có việc bà T và ông T5 thỏa thuận miệng về việc thuê khoán làm nhà sắt mái tôn, bà T đã ứng cho ông T5 số tiền 88 triệu đồng, các hạng mục công trình đã hoàn thành nhưng hai bên vẫn chưa tất toán hết cho nhau vì chưa thống nhất được công nợ, việc ông T5 đề nghị bà T gửi trả nốt số tiền còn thiếu là có căn cứ. Ông T5 không có lời lẽ, ngôn từ nào thể hiện sự xúc phạm, bôi nhọ danh dự, nhân phẩm bà T và cũng không nhờ hay đề nghị bà T2, bà H chia sẻ bài đăng trên mạng xã hội. Bà H là cô ruột của ông T5, do thấy hoàn cảnh của ông T5 khó khăn nên mới có ý định giúp ông liên hệ với bà T để đề nghị bà T trả nốt phần tiền công nợ bà T còn thiếu cho ông T5, việc bà H tự ý chia sẻ bài đăng của ông T5 lên trang cá nhân của bà H và một số người khác khi chưa được sự đồng ý của bà T là vi phạm pháp luật đã bị Công an thành phố Đ xử phạt vi phạm hành chính theo điểm e khoản 3 Điều 102 Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ; những bài chia sẻ, bài đăng lên mạng xã hội của bà H không có lời lẽ xúc phạm, bôi nhọ hay vu khống gì bà T; thực tế qua nội dung tin nhắn giữa các bên thấy rằng giữa bà H và bà T đều có lời qua tiếng lại, ứng xử chưa phù hợp. Nhưng bà T không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc ông T5, bà H có các hành vi xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín và gây thiệt hại về sức khỏe, tinh thần cho bà T.

Tại cấp sơ thẩm, các tài liệu của bà T cung cấp việc bà H, ông T5 xâm phạm đến quyền hình ảnh của bà T; những nội dung mà bà H, ông T5 đăng lên mạng xã hội kèm theo từ ngữ để xúc phạm danh dự, nhân phẩm bà T là chưa đủ căn cứ để chứng minh. Bà T có cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm giấy xác nhận của ông Bạch Tùng D, địa chỉ phố 12, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên xác nhận đã đánh máy văn bản, in, phô tô tài liệu cho bà T số tiền 10 triệu đồng, văn bản chỉ có chữ ký của ông D ngoài ra không có chứng cứ nào khác để chứng minh nhân thân của ông D; đồng thời cung cấp 01 giấy biên nhận của cửa hàng phô tô T6 có nội dung: in ấn, phô tô tài liệu và ảnh, thành tiền 10 triệu đồng, có chữ ký của người bán hàng; tuy nhiên bà T không chứng minh được nội dung

các văn bản đánh máy, in, phô tô là văn bản gì nên không có cơ sở xác định đây là chi phí hợp lý cho việc thu thập tài liệu chứng cứ chứng minh danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm. Mặt khác, bà T không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho việc bà bị tổn hại sức khỏe, tinh thần, thiệt hại về vật chất do bà H và ông T5 gây ra.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T cũng không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ nào hợp pháp để chứng minh: Có thiệt hại thực tế về danh dự, nhân phẩm, uy tín; có tổn hại về sức khỏe, tinh thần (không có hồ sơ bệnh án, kết luận giám định, tài liệu y tế hợp lệ); có chi phí hợp lý, cần thiết để hạn chế, khắc phục thiệt hại theo quy định tại Điều 590 và Điều 592 Bộ luật Dân sự.

Do đó, nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T về việc yêu cầu Tòa án buộc bà Chu Thị H và ông Vũ Văn T5, mỗi người phải bồi thường thiệt hại cho bà T 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng); trong đó bồi thường do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) và bồi thường do sức khỏe, tinh thần bị xâm phạm là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), là không có căn cứ để chấp nhận.

[4.2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà Chu Thị H, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Bà H có yêu cầu phản tố đối với bà T với lý do cho rằng bà T nói xấu và H với bà H1, bảo bà H là con ngáo đá, vu khống cho bà H chửi bới, xúc phạm bà T; quy chụp bà H uy hiếp, đe dọa, bắt nạt người khác, sử dụng hình ảnh của bà H mà bà T trích từ camera đăng lên mạng xã hội... làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm, tinh thần và sức khỏe của bà H. Tuy nhiên ngoài các ảnh chụp tin nhắn thể hiện lời nói qua lại giữa bà H và bà T thì bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh thiệt hại thực tế, cũng không chứng minh được mối quan hệ nhân quả trực tiếp giữa hành vi bị cho là xâm phạm và thiệt hại phát sinh theo quy định tại Điều 584 Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP, ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H cũng không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của bà.

Do đó, nội dung kháng cáo của bị đơn bà Chu Thị H yêu cầu Tòa án buộc bà T phải bồi thường về danh dự, nhân phẩm, uy tín, sức khỏe (tinh thần, thể chất) bị xâm phạm cho bà H theo quy định của pháp luật, là không có căn cứ để chấp nhận.

[4.3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng bản chất vụ việc, áp dụng đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP, ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Chu Thị H là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận

kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T và bị đơn bà Chu Thị H.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T, bị đơn bà Chu Thị H được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148; khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T và bị đơn bà Chu Thị H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 25/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực X - Điện Biên.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T và bị đơn bà Chu Thị H.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 17/3/2026).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- VKSND khu vực X - Điện Biên;
- TAND khu vực X - Điện Biên;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Phương